

Số: 2545 /QĐ-UBND

Bình Dương, ngày 12 tháng 10 năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc điều chỉnh, bổ sung công trình, dự án thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất vào Kế hoạch sử dụng đất năm 2022 thành phố Thủ Dầu Một**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20/11/2018;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Thông tư số 01/2021/TT-BTNMT ngày 12/4/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất;

Căn cứ Nghị quyết số 13/NQ-HĐND ngày 20/7/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh về sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 53/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh về Danh mục công trình, dự án thuộc diện thu hồi đất và chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa trong năm 2022 trên địa bàn tỉnh Bình Dương;

Căn cứ Quyết định số 04/QĐ-UBND ngày 05/01/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phê duyệt Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 thành phố Thủ Dầu Một;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 313/TTr-STNMT ngày 28/9/2022.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt điều chỉnh, bổ sung công trình, dự án thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất vào Kế hoạch sử dụng đất năm 2022 thành phố Thủ Dầu Một, cụ thể:



1. Điều chỉnh (tên gọi, vị trí, diện tích) 03 công trình, dự án thực hiện theo hình thức thu hồi đất với diện tích 26,59ha (trong đó có 02 công trình, dự án với diện tích 24,92ha điều chỉnh Chủ đầu tư, không làm thay đổi nội dung Kế hoạch sử dụng đất năm 2022 thành phố Thủ Dầu Một).

2. Bổ sung 26 công trình, dự án với tổng diện tích 89,55ha, trong đó:

a) 02 công trình, dự án thực hiện theo hình thức thu hồi đất với diện tích 14,71ha.

b) 15 công trình, dự án thực hiện theo hình thức chuyển mục đích sử dụng đất với diện tích 15,99ha.

c) 09 công trình, dự án thực hiện thủ tục giao đất, cho thuê đất với diện tích 58,85ha.

(Chi tiết đính kèm Phụ lục 1, Phụ lục 2)

**Điều 2.** Căn cứ Điều 1 của Quyết định này, Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Dầu Một có trách nhiệm:

1. Công bố công khai danh mục công trình, dự án được điều chỉnh, bổ sung.  
2. Thực hiện thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất theo đúng kế hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt.

3. Tổ chức kiểm tra thường xuyên việc thực hiện kế hoạch sử dụng đất.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Xây dựng, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Giao thông Vận tải, Công thương, Y tế, Giáo dục và Đào tạo, Khoa học và Công nghệ, Thông tin và Truyền thông, Văn hóa Thể thao và Du lịch; Chỉ huy Trưởng Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh; Giám đốc Công an tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Dầu Một; Thủ trưởng các ban ngành, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh chịu trách nhiệm đưa Quyết định này lên Cổng thông tin điện tử của tỉnh. / *ld*

**Nơi nhận:**

- TT, TU, TT. HĐND tỉnh;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Như Điều 3;
- UBND thành phố Thủ Dầu Một;
- Website tỉnh;
- LĐVP, CV, TH;
- Lưu: VT. *11*

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH THƯỜNG TRỰC



**Mai Hùng Dũng**



**Phụ lục 1: Danh mục công trình, dự án điều chỉnh, bổ sung thuộc diện thu hồi đất trong năm 2022 thành phố Thủ Dầu Một**

(Kèm theo Quyết định số: 2545/QĐ-UBND ngày 12/10/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

Đơn vị tính: ha.

Stt	Hạng mục	Mã QH	Diện tích	Hiện trạng	Địa điểm	
					Số thửa đất, tờ bản đồ	Phường
<b>I</b>	<b>Do Quốc hội quyết định chủ trương đầu tư</b>					
1	Dự án đầu tư xây dựng đường Vành đai 3 Thành phố Hồ Chí Minh	DGT	14,00		Công trình dạng tuyến	Phú Hòa
<b>II</b>	<b>Do Hội đồng nhân dân tỉnh chấp thuận</b>					
<b>a</b>	<b>Công trình, dự án điều chỉnh</b>					
1	Nâng cấp, mở rộng đường An Mỹ - Phú Mỹ (từ đường Huỳnh Văn Lũy đến đường ĐX 02). (Hợp từ 02 công trình, dự án tại Stt 18-a và Stt 2-b Mục II Phụ lục 2a kèm theo Quyết định số 832/QĐ-UBND ngày 05/4/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh)	DGT	1,67		Công trình dạng tuyến	Phú Mỹ
2	Trục thoát nước suối giữa (đoạn từ sau trạm thu phí đến cầu Bà Cỏ, bao gồm cả rạch Bung Cầu). (Điều chỉnh Chủ đầu tư thành Ban Quản lý Dự án ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh, không làm thay đổi nội dung Kế hoạch sử dụng đất)	DTL	24,30		Công trình dạng tuyến	Định Hòa, Hiệp An, Chánh Mỹ, Tương Bình Hiệp
3	Đầu tư giải quyết điểm ngập lưu vực rạch Ông Đành (từ Đại lộ Bình Dương đến sông Sài Gòn). (Điều chỉnh Chủ đầu tư thành Ban Quản lý Dự án ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh, không làm thay đổi nội dung Kế hoạch sử dụng đất)	DTL	0,62		Công trình dạng tuyến	Hiệp Thành
<b>b</b>	<b>Công trình, dự án bổ sung</b>					
1	Xây dựng hầm chui tại nút giao ngã năm Phước Kiến	DGT	0,71		Công trình dạng tuyến	Hiệp Thành

**Phụ lục 2: Danh mục công trình, dự án bổ sung chuyển mục đích sử dụng đất trong năm 2022 (thành phố Thủ Dầu Một)**

(Kèm theo Quyết định số: 2545/QĐ-UBND ngày 12/10/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

Đơn vị tính: ha.

Stt	Hạng mục	Mã QH	Diện tích	Hiện trạng	Tăng		Địa điểm	Phường
					Diện tích	Số thửa đất, tờ bản đồ		
<b>I</b>	<b>Công trình, dự án chuyển mục đích</b>	<b>15</b>				<b>15,99</b>		
1	Khu nhà ở thu nhập thấp Định Hòa (Công ty Cổ phần nhà U&I)	ODT	2,88			2,88	Thửa đất số 838, 839; tờ bản đồ số 5-1	Định Hòa
2	Khu cao tầng Định Hòa I (Công ty TNHH Địa ốc Hưng Lợi)	ODT	0,59			0,59	Thửa đất số 228, 221; tờ bản đồ số 20	Định Hòa
3	Khu nhà ở cao tầng Định Hòa III (Công ty Cổ phần nhà U&I)	ODT	1,06			1,06	Thửa đất số 71, tờ bản đồ số 21	Định Hòa
4	Khu nhà ở thấp tầng Định Hòa I (Công ty Cổ phần Xây dựng U&I)	ODT	1,74			1,74	Thửa đất số 299, 298, 278, 279, 266, 265; tờ bản đồ số 20	Định Hòa
5	Khu nhà ở cao tầng Định Hòa II (Công ty Cổ phần Xây dựng U&I)	ODT	1,58			1,58	Thửa đất số 184, 185, 423; tờ bản đồ số 20. Thửa đất số 182, 183; tờ bản đồ số 20-4	Định Hòa
6	Khu nhà ở Chánh Nghĩa (Công ty Cổ phần Xây dựng U&I)	ODT	0,34			0,34	Thửa đất số 133, 134, 18; tờ bản đồ số 60, 62	Chánh Nghĩa
7	Khu chung cư Minh Phúc (Công ty TNHH Đầu tư Kinh doanh Minh Phúc)	ODT	0,51			0,51	Thửa đất số 473, tờ bản đồ số 48	Phú Thọ
8	Khu chung cư S.cons Tower (Công ty TNHH Xây dựng S.cons)	ODT	0,96			0,96	Thửa đất số 1847, 1848, 1849, 1850, 1921, 2009; tờ bản đồ số 09-3	Phú Mỹ
9	Chung cư Tiamo Tower (Công ty Cổ phần Xây dựng Tư vấn Đầu tư Bình Dương)	ODT	1,03			1,03	Thửa đất số 116, 117, 705, 735; tờ bản đồ số 57	Phú Thọ
10	Khu nhà ở Gia Thịnh (Công ty Cổ phần Xây dựng Tư vấn Đầu tư Bình Dương)	ODT	4,20			4,20	Thửa đất số 714, 776, 782, tờ bản đồ số 02; thửa đất số 107, 212, tờ bản đồ số 61; thửa đất số 146, 142, 126, tờ bản đồ số 56	Phú Thọ
11	Cửa hàng bán lẻ xăng dầu (Công ty TNHH Thương mại Thành Phát)	TMD	0,14			0,14	Thửa đất số 04(37), tờ bản đồ số 01	Hiệp An
12	Cửa hàng bán lẻ xăng dầu (Công ty TNHH Thương mại Thành Phát)	TMD	0,07			0,07	Thửa đất số 56, tờ bản đồ số 18	Phú Thọ
13	Chung cư cao tầng Tecco Nguyễn Chí Thanh (Công ty TNHH Kinh doanh bất động sản và Khách sạn Huyền Diệu)	ODT	0,50			0,50	Thửa đất số 94, tờ bản đồ số 27	Hiệp An
14	Chung cư cao tầng (Doanh nghiệp tư nhân khách sạn Phương Phương)	ODT	0,36			0,36	Thửa đất số 282, 272 (306); tờ bản đồ số 08	Định Hòa
15	Cửa hàng kinh doanh xăng dầu (Công ty TNHH MTV Thương mại Chánh Lộc)	TMD	0,03			0,03	Một phần thửa đất số 06, tờ bản đồ số 22	Chánh Mỹ
<b>II</b>	<b>Công trình, dự án giao đất, cho thuê đất</b>	<b>9</b>				<b>58,85</b>		
1	Khu dân cư Hòa Lợi (Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp - CTCP)	ODT	163,90	163,08		0,82	Các thửa đất thuộc tờ bản đồ số 1, 4, 8, 16	Hòa Phú
2	Khu tái định cư Hòa Lợi (Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp - CTCP)	ODT	141,10	137,21		3,89	Các thửa đất thuộc tờ bản đồ số 30, 31, 32, 37, 39, 40, 42, 43, 44, 65, 71	Hòa Phú
3	Khu tái định cư Phú Mỹ (Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp - CTCP)	ODT	71,70	67,85		3,85	Các thửa đất thuộc tờ bản đồ số 65, 66, 67, 69, 72, 79, 80, 81, 82, 83, 84, 85, 86, 87, 89, 90	Phú Tân
4	Khu tái định cư Tân Vĩnh Hiệp (Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp - CTCP)	ODT	104,04	92,89		11,15	Các thửa đất thuộc tờ bản đồ số 95, 98, 104, 105, 106, 108, 109, 111, 112	Phú Tân
5	Khu tái định cư Định Hòa (Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp - CTCP)	ODT	67,09	50,23		16,86	Các thửa đất thuộc tờ bản đồ số 107, 108, 109, 125, 126, 129, 131	Hòa Phú
6	Khu tái định cư Phú Chánh (Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp - CTCP)	ODT	233,84	226,03		7,81	Các thửa đất thuộc tờ bản đồ số 1, 5, 10, 15, 16, 17, 21, 22, 26	Hòa Phú, Phú Tân
7	Khu đô thị mới - Khu 4, 5, 6 (Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp - CTCP)	ODT	153,03	142,22		10,81	Các thửa đất thuộc tờ bản đồ số 1, 2, 15, 20	Hòa Phú
8	Khu dân cư Chánh Nghĩa (Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp - CTCP)	ODT	31,06	26,86		0,51	Các thửa đất thuộc tờ bản đồ số 3, 8, 9, 17, 19, 27, 68, 69, 71, 72	Chánh Nghĩa
9	Khu đô thị mới - Khu 1 (Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp - CTCP)	ODT	709,60	706,45		3,15	Các thửa đất thuộc tờ bản đồ số 38, 96, 115, 116	Hòa Phú, Phú Tân